

BỘ NGỰA GỖ CỦA BA TÔI

truyện ngắn
LÊ CẦN THƠ
(Houston, Texas, Hoa Kỳ)

Vậy là bộ ngựa gỗ của ba tôi vĩnh viễn không còn trong ngôi nhà của ba nữa - bộ ngựa mà ba trân trọng giữ gìn như một báu vật trong đời, kể từ khi ông bà ngoại cho ba má “*làm cửa hồi môn*” lúc cưới nhau đầu thập niên 1930 - khi đó ba vừa tròn 25 tuổi và má nhỏ hơn năm tuổi. Bộ ngựa gỗ gồm có ba miếng ván gỗ mun ghép khít nhau, mỗi tấm có độ dày đến một tấc hai phân, đặt trên hai con bộ ngựa cũng bằng gỗ được trổ mộng rất nghệ thuật, không thấy bất cứ dấu đinh nào. Mặt bộ ngựa có viền khảm xa cừ xung quanh thật đẹp, được lau chùi thường xuyên nên lên nước bóng ngời, những buổi trưa nắng mà nằm lên đó cảm thấy mát lạnh. Ông ngoại tôi trước đây làm trong ban viên chức hội tề của xã và có dịp mua bộ ngựa đó về đặt ngay trong phòng khách của ngôi nhà ba gian hai chái, mà giàn cột kèo bằng gỗ tốt, các cột đều bào tròn bóng lộn. Mái nhà thay vì lợp ngói âm dương, ngoại tôi lại lợp bằng lá tàu tách bẹ chớ không phải lá chàm. Ngoại nói cách lợp đó trong nhà mát mẻ quanh năm và cũng vài ba năm mới lợp lại một lần. Đúng ra khi cưới vợ thì ba tôi vào ở rể như nhiều gia đình khá giả vào thời đó, nhưng ông bà ngoại tránh những điều tiếng không hay nên cho cất một căn nhà nhỏ phía bên kia con mương để con gái và rể ra riêng liền sau đám cưới, trên vuông đất hai công có thể trồng trọt đôi ba cây ăn trái, nên ba má không đem bộ ngựa về, phải gửi lại nhà của ông bà ngoại. Ban đầu ông bà ngoại rầy, cứ đem về nhà, vì đó là “*tài sản*” mà ba má tặng vợ chồng con. Nhưng ba má cứ nài nỉ gửi lại, nêu lý do chờ khi nào “*ăn nên làm ra*”, có nhà lớn sẽ đem về. Bởi vậy bộ ngựa gỗ vẫn còn ở lại nhà ông bà ngoại đến nhiều năm sau đó. Rồi chiến tranh xảy ra, nhất là lúc quân đội viễn chinh Pháp chiếm đóng nhiều nơi, tổ chức những cuộc càn quét Việt Minh trong vùng nông thôn, thì nhà của ông ngoại trước sau bị đốt đến ba lần. Mặt bộ ngựa gỗ bị cháy sém nhiều chỗ, và ngôi nhà ba gian hai chái của ông bà ngoại không còn nữa, phải cất lại căn nhà nhỏ hơn để ở, ba má mới khiêng về đặt bên nhà nhỏ của mình.

Như trên tôi có nói, bộ ngựa như một báu vật trong đời của ba, bởi hai lý do, *thứ nhất* là suốt cuộc đời trai trẻ cho đến ngày lập gia đình, ba là một thanh niên nghèo, trôi giạt từ miệt Ba Vát Mỏ Cày ở Bến Tre qua tới làng Trường Long “*khỉ ho cò gáy*” ở đậu đặc để làm thuê làm mướn sinh nhai thì làm sao có đủ khả năng để mua nổi một bộ ngựa gỗ quý giá đó; hơn nữa chưa có gia đình nhà cửa thì mua để làm gì. Trong một buổi chiều mưa dầm tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm, cái năm mà bom B52 ném sập ngôi giáo đường của nhà thờ Ông Hào bởi tiểu đoàn Tây Đô của Việt cộng đặt khẩu pháo phòng không tại ngay tháp chuông bắn phi cơ bay qua đó, tôi ngồi hồi chuyện ba

tôi về nghề đăng cá để viết bài cho nhật báo Miền Tây trên mục “**Tác Đất Ngọn Rau**” do thi sĩ Kiên Giang phụ trách, vui miệng ba tôi kể luôn chuyện lưu lạc từ Bến Tre qua Cần Thơ rồi cưới được vợ với bộ ngựa gỗ làm “*cửa hôn môn*” như vậy... Thứ hai là, nhờ bộ ngựa gỗ “*làm vật che thân*” cho cả gia đình tôi trong một đêm đạn pháo binh mà thời đó tuổi trẻ chúng tôi gọi là “ô buýt” từ chợ Phong Điền bắn vào miệt Trường Long rớt ngay căn chòi che ngoài bờ vườn của gia đình gồm có Má, anh trai, tôi và đứa em gái đang nằm ngủ trong “trăng xê” năm 1953, tức là trước năm đình chiến. Đêm đó ba đi đăng cá trong kinh Chệt Thợ, sáng ra chèo ghe về, nhìn cảnh tượng kinh hoàng mới thất vía kinh tâm. May mắn là tất cả gia đình tôi vẫn còn sống sót nhờ ngủ trong hầm “trăng xê” bên trên lót bằng bộ ngựa gỗ dày một tác hai, đắp đất vun cao cả thước. Trái đạn chạm xuống nổ tung, hất hết lớp đất phía trên để lộ mặt ngựa gỗ ra ngoài, trong hầm má con chúng tôi như bị hất tung lên nhưng chẳng thương tích gì, thật là điều kỳ diệu. Bộ ngựa gỗ quá nặng, mỗi tấm ván tới mấy người khiêng mới nổi. Có lẽ nhờ nặng như vậy nên suốt nhiều năm chiến tranh, bao nhiêu lần lính Tây lính ta cùng vô bố ráp què tôi vẫn “tha” không thềm chớ đi, trong khi những tô chén đĩa kiêu của ông bà ngoại cho mỗi lần “chạy Tây” ba má tôi đều bỏ xuống mương vườn để giấu, hoặc bị xom bể, hoặc bị mò lên lấy đi mất tiêu, mỗi lần một số cho đến sau này chẳng còn cái nào cả. Mười lăm cái lu mái dầm dùng đựng lúa giống và nước mưa để uống, nếu không bị lấy đi thì cũng bị giộng báng súng lưng đít hết, ba má tôi phải tìm cách trét vá lại để xài. Thuở đó, chạy Tây liên tục như ăn cơm bữa, và giống như chuyện đùa giỡn, vì lính chỉ đi dọc theo con đường đất hai bên bờ sông chớ không đi lưng sục ngoài vườn ruộng như thời chiến tranh sau này. Cứ mỗi đêm, khoảng ba bốn giờ sáng, dân làng ai nấy đều thức dậy nấu nồi cơm với kho nồi cá rồi thúc giục con cái xuống xuống chèo chống vào Kinh Mới, Chệt Thợ, Hội Đồng Quý... chỉ cách bờ sông ngã cái chùng ba bốn cây số đường chim bay, xuống đậu ken nhau trên dòng kinh bề ngang chưa đầy mười mét để “trốn Tây”. Phần đông chạy Tây là đàn bà và trẻ con, còn trai tráng và đàn ông thì ở lại chạy sau cùng bằng đường bộ, hoặc theo vào khu vực trốn Tây với đoàn xuống ghe đi trước, hoặc “chém về” ngoài bờ ruộng hay lưng địa nơi đồng trống có nhiều sậy, để chằng chịt, vì biết chắc lính Tây chẳng bao giờ bén mảng lục soát ngoài đó. Dòng kinh Chệt Thợ cũng như kinh Hội Đồng Quý đều băng qua cánh đồng trống bạt ngàn thỉnh thoảng mới có bóng mát của rừng tràm bầu. Buổi trưa nắng chang chang như thiêu như đốt cũng ráng chịu đựng và mong đợi có cơn gió hiềm hơi vụt thổi qua cho đỡ oi bức. Theo dõi bước chân của lính Tây bằng cách nhìn những bụng khói với các tàn tro bụi lá quện lên cao do những căn nhà bị đốt là biết chúng đã đi tới đâu. Thường thì khoảng ba bốn giờ chiều lính đi bố ráp bắt đầu rút về Phong Điền. Bà con lại lục tục chèo chống trở về căn nhà của mình thì trời chạng vạng tối. Không phải nhà nào cũng bị đốt, nhưng chắc chắn một điều, cuộc bố ráp nào cũng có một vài căn nhà làm mồi cho “bà hoả”, và dĩ nhiên “màn trời chiếu đất” sẽ đến với những gia đình bất hạnh đó. Bây giờ nhắc lại chuyện “chạy Tây”, tôi cảm thấy buồn cười cho sự hiểu biết hết sức ngây ngô của bà con què tôi thời đó. Bởi vì, tôi còn nhớ có lần đoàn ghe xuống chạy Tây của dân làng đậu dọc dài trên Kinh Chệt Thợ, giữa trưa nắng thì trên đầu có máy bay “đầm giã” - mà sau này lớn lên tôi mới biết đó là máy bay quan sát L19 - bay qua đảo lại trên đầu. Dưới này nhiều tiếng kêu hú inh ỏi của người lớn, bảo chúng tôi hãy im lặng, đừng cười giỡn lớn tiếng trên máy bay nghe sẽ bỏ bom chết hết! Chúng tôi còn nhỏ, xem chạy Tây như là chuyện chơi chẳng biết gì là nguy hiểm, nên cứ cởi quần áo nhào xuống dòng kinh lặn hụp, đùa giỡn bởi trời quá nóng, rồi vò đất sét chọi nhau khiến người lớn phải từng chặp rầy la, hết đầu này tới đầu kia... Sau này hiểu ra, máy bay quần trên đầu quan sát thấy hết, biết bên dưới là thường dân trẻ nít nên chúng để yên không huy hiệp, chớ nếu cần thì đã giết hết chúng tôi rồi. Một hôm chạy Tây trở về, bà con ai về nhà nấy. Má và mấy anh em tôi đậu xuống tại mương ranh đất giáp nhà thím Ba Xuồng, sau khi cột dây cẩn thận, mẹ con lục tục bước lên bờ với nồi niêu và tấm đệm, đi vào nhà. Mới vừa tới sân trong bóng tối chập chờn thì nghe tiếng hét lơ lơ giọng “*Việt Minh... phơ*” cùng lúc với tiếng lách cách (về sau mới biết đó là tiếng kéo cơ bấm lên đạn). Lập tức có tiếng người Việt Nam la lên: “*Đứng lại, đứng lại, giơ tay lên đầu, đừng đi nó bắn!*”. Mấy mẹ con chúng tôi hoảng quá làm theo lời của người kia. “*Tất cả ngồi xuống*”. Rồi người đó bước tới trước mặt chúng tôi, bấm cái đèn xẹt qua xẹt lại hỏi: “*Có tất cả mấy người? Đàn ông đâu?*”. Má tôi nói: “*Bốn người, tôi với ba đứa con*”. “*Còn chồng bà đâu? Có làm Việt Minh*

không?”. “*Dạ hồng có. Chồng tôi đi đặng cá vài bữa mới về một lần*”. “*Thiệt vậy không?*”. “*Dạ thiệt mà*”. “*Nhà bà ở đâu?*”. “*Dạ nhà này của tôi*”. Vừa nói, má vừa đưa tay chỉ vào căn nhà trước mặt. “*Cứ ngồi đó, chờ tôi thưa lại cho quan biết*”. Người lính Việt Nam bước lại nói gì với thằng Tây mà anh ta bảo là quan. Chút sau quay lại nói: “*Quan Một bảo cho vô nhà nhưng ở trong đó không được mở cửa ra ngoài sẽ bị bắn chết. Để sáng ra quan tập họp bà con lại nói chuyện, nhớ chưa?*”. “*Dạ nhớ!*”.

Đó là lần sau cùng của những trận đốt nhà do lính Tây đi bố ráp vào làng Trường Long của chúng tôi, bởi vì bà con lầm tưởng là Tây đi bố rồi rút về như những lần trước, nào ngờ chúng ở lại để đóng đồn tại vàm Ông Hào. Tôi nhớ đó là đầu mùa đông năm 1953. Những ngày kế tiếp cả lính Tây lẫn lính Việt đi tới đi lui, kêu gọi đàn ông thanh niên phải đến tham gia phát quang xung quanh chỗ nền làm đồn trên đất mợ Năm Hôn phía bên kia sông thuộc ấp Trường Thọ. Phía bên này sông cái đối diện nền đồn thuộc ấp Trường Thuận có đám cây bô dầy đặc của đất cậu Sáu Đường Láng thì phải dùng dao phang chặt hết để nhìn ra tới cánh đồng. Nói chung là tất cả cây cối xung quanh chỗ đóng đồn phải san bằng cho tầm nhìn được xa. Đàn ông thanh niên khoẻ mạnh thì đào đất đắp nền, làm bờ thành của đồn, rào kẽm gai...; nhà nào không có đàn ông thì đàn bà phải làm thế nhưng công việc nhẹ. Ba tôi ở trong kinh Hội Đồng Quý gần một tuần, thấy tình thế quá kẹt, phải chèo ghe đặng trở về đậu dưới mé sông. Buổi chiều đó người lính Việt Nam dẫn ba tôi tới chỗ quan Một của Tây nói gì đó, hấn ta gục gặt đầu bảo “*Nông Việt Minh, tre-ven, tre-ven*”. Người lính Việt giải thích cho ba hiểu, Quan Một nói “*Không phải Việt Minh, tốt lắm, tốt lắm*”. Và anh ta dặn ba, mỗi ngày phải đến làm đồn với bà con trong làng cho mau rồi, lính sẽ rút đi chỉ để một đơn vị ở lại giữ đồn, bảo vệ cho bà con làm ăn, không cho bọn Việt Minh về phá phách và vợ vét thuế má nữa! Bởi tới lui đóng đồn suốt mấy tuần lễ, ba mới thấy cái đĩa kiêu con cá thật lớn của ông bà ngoại cho khi trước chỗ thằng Tây quan Một ở mà lúc chạy Tây ba đã ném giấu dưới mương phía sau vườn. Có một lần ba nói với người lính Việt Nam: “*Cái đĩa con cá của tôi, nhờ Ông đội hỏi xin lại giùm tôi*”. Người lính Việt Nam nói với thằng Quan Tây, nó gục gặt đầu, khiến ba mừng thầm trong bụng nghĩ là nó bằng lòng trả. Nhưng người lính Việt mà có lần ba nghe có người gọi thầy đội cho biết: “*Quan nói để khi đóng đồn xong rút đi quan sẽ cho lại!*”. Ba tin là sẽ xin lại được nên không nhắc tới nhắc lui nữa. Một hôm, thầy đội Việt nọ lại nói: “*Quan rất thích bộ ngựa gỗ nhà anh, nhưng nó nói nặng quá chắc không đem đi được đâu!*”. Ba lại chung hứng, vì “*nếu thằng quan Tây mà lấy bộ ngựa gỗ thì vật kỷ niệm quý báu của ông bà ngoại tặng cho xem như mất tiết mà chắc gì trong đời ba mua lại được*”. Rồi ba thăm van vái trong bụng “*ba má sống khôn thác thiêng, phù hộ cho vợ chồng con, xui khiến cho thằng Tây đừng lấy mất bộ ngựa gỗ quý báu đó!*”.

Đồn làm xong. Hôm lính rút đi, ba có nhắc cái đĩa kiêu con cá, thầy đội Việt nói là khi đưa ra tới chợ Phong Điền, quan sẽ trả lại. Ba chèo ghe chờ đồ đạc linh kinh, chẳng biết của quan Tây hay của thầy đội Việt Nam, có nhiều đồ kiêu, mà cái đĩa con cá thật lớn nằm lẫn lộn trong đó. Ra tới cầu tàu Phong Điền, chỗ mà lính Tây thường giết người ném xuống sông trôi lênh bênh những năm trước, thầy đội Việt bảo ghé lại và tiếp chuyển đồ lên bờ. Ba tôi nhắc lại cái đĩa, thầy đội bảo: “*Anh cần thì tìm mua cái khác. Quan nói rất thích muốn giữ cái này!*”. Từ lúc dọn đồ xuống xuống cho đến khi ra tới bến Tàu này, ba chẳng thấy mặt thằng quan Một của Tây lần nào cả. Ba tiu nghỉu bước xuống xuống chèo về mà không dám quay lại nhìn, với lòng vừa tức vừa buồn rười rượi.

Đất nhà ba cách đồn mấy trăm thước phía bên kia sông, nhưng lại nằm trong tầm súng phúng lựu của đồn. Bởi vậy rất sợ ban đêm Việt Minh về bắn phá, lính sẽ bắn trả nguy hiểm, ba mới đắp đất tu bổ lại cái hầm “trăng xê”, nhưng sau đó lính đồn bảo phải phá bỏ, lý do tội Việt Minh có thể núp trong đó đánh phá đồn.

Sau ba lần ông bà ngoại bị Tây đốt nhà, rồi vì tuổi già cũng lần lượt qui tiên, ba má đem bộ ngựa về nhà mình. Đồn Ông Hào cất xong, việc đi lại chợ búa dễ dàng, bởi cái trạm của Việt Minh đặt chỗ vàm Ông Hào đâu còn nữa. Hồi trước, ai muốn ra chợ Phong Điền hay Cái Răng, khi bơi xuống ngang phải ghé trình giấy cho phép của ủy ban kháng chiến địa phương. Khi đi chợ về phải ghé cho cán bộ gác trạm xuống kiểm soát đồ đạc mới được đi. Nhiều khi họ gọi mua món này món kia.... nhưng ít khi đưa tiền. Mà đi chợ thì phải xài tiền xanh (tiền đồng dương, tiền giấy con voi?), trong khi trong vùng

thì xài tiền của kháng chiến, tiền có in hình Cụ Hồ, giá trị xài như lổm chuối. Ai có nhiều tiền phải đựng bằng bao bố tời! Bộ ngựa bây giờ đã loang lổ vết cháy sém trên mặt, mấy hình khảm xa cừ chỗ còn chỗ mất, ba mới muốn ghe lớn chở ra trại của ở Cái Răng muốn của xe làm ba bộ, mỗi bộ có bề dày khoảng hơn 3 phân. Như vậy nhà ba má bây giờ tới ba bộ ngựa gỗ chứ không phải một bộ. Thấy không có chỗ kê, phần vì gia đình cần phải mua sắm đồ đạc trong nhà, ba má kêu người ta bán đi một bộ, có người lại đòi mua bộ có mặt khảm xa cừ dù đã bị cháy sém. Suy đi nghĩ lại, ba bằng lòng, vì để lại chắc ba không thể có khả năng muốn người “*phục chế*” lại đẹp như xưa được. Còn lại hai bộ kê tại phòng khách, từ ngoài bước vô nhà, bên trái kê một bộ, bên phải kê một bộ, chính giữa là bàn thờ gia tiên và có một bàn tròn với mấy cái ghế đầu để ngồi uống nước.

Năm 1965, khi nhà thờ Ông Hào bị máy bay B52 ném bom sập thính đường và gác chuông, cả họ đạo trong rạch Ông Hào nhà nào cũng có người chết, bà con lần lượt bỏ xứ để ra chợ sinh sống. Ba má thấy không khí chiến tranh bắt đầu tái diễn trên quê hương mình nên cũng bàn nhau gồng gánh ra Xóm Chài Cần Thơ tìm chỗ cất nhà để ở. Ba đã khiêng một bộ ngựa gỗ ngâm dưới một cái mương sau vườn, hy vọng hết chiến tranh thì về lại moi lên xài, chắc không bị mục đâu? (Ba nghĩ đơn giản là chiến tranh không kéo dài). Còn một bộ thì chở theo ra Cần Thơ. Sau đó, vùng quê Trường Long trở nên địa bàn hoạt động của tổ chức mệnh danh là mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Đôn bót bị phá sập không còn nữa, nên ba má cũng không có dịp đặt chân trở lại vườn quê. Sau biến cố Mậu Thân, quân lực VNCH phát triển mạnh khi luật tổng động viên ban hành, nhiều đơn vị địa phương quân tân lập được hình thành tại các tỉnh thì đồn bót được dựng lên khắp nơi. Trường Long cũng có mấy đồn. Đầu thập niên bảy mươi công cuộc cải tổ hành chánh công vụ của chánh quyền diễn ra, các viên chức xã ấp lần lượt được bầu lên. Dân chúng tản cư những năm trước rủ nhau trở về ngày càng đông. Ba Má cũng theo dòng người đó trở về quê cũ. Công việc đầu tiên sau khi cất lại cái nhà một gian một chái để hai ông bà ở (vì lúc đó mấy anh em chúng tôi đã đi lính và lập gia đình hết rồi) mà chăm lo sửa sang vườn tược với mấy công ruộng. Việc thứ hai là vét mương để mang bộ ngựa gỗ lên, nhưng tìm hoài không thấy đâu. Sau này biết được là trong thời chiến tranh, nhiều gia đình ở lại trong đó có một gia đình “bám trụ” đã giúp đem lên giùm! Ba má dò la hỏi thăm, thì được biết, họ không xài mà đã bán rồi lấy tiền chi tiêu “giùm” từ lâu. Ba má tôi chẳng biết phải làm sao, đành tiu nghỉu lặng thinh như hỏi thầy đội Việt Nam nói thẳng quan Tây bảo cần thì mua cái đĩa kiểu con cá khác xài vậy.

Sau cùng thì ba còn một bộ ngựa gỗ duy nhất đã mang ra Cần Thơ trong lần tản cư năm 1965 để ở Xóm Chài. Ba chở về quê cũ kê trong căn nhà nhỏ trên phần đất của ông bà ngoại cho năm xưa. Sau biến cố tháng tư đen 1975, hai người anh của tôi - một đi BCH 3 Tiếp Vận, một đi Quân Vận 412 và đưa em gái tôi có chồng đi lính quận Phong Phú cũng lục tục từ thành phố trở về quê nhà. Gia đình hai người anh được ba má tôi chia cho cái nền nhà với mấy bờ vườn, công ruộng, xúm xít nhau cấy trồng mà sống. Đưa em gái thì về quê chồng ở Rạch Nhum Ô Môn làm ruộng. Thằng em trai út của tôi có vợ là gia đình người Hoa ở chợ Cần Thơ, được “*chánh quyền cách mạng*” cho đi vùng kinh tế mới ở Ngã Tư Cây Dương sau khi bị đánh tư sản mại bán. Còn tôi thì quá nhẹ dạ, tình nguyện vào trường “*đại học tổng hợp*” đến sáu bảy năm trời, học hỏi quá nhiều điều đáng cay tủi nhục của kiếp con người mà bọn cán cối nói là “*tay sai Mỹ Ngụy*”. Tôi lưu lạc từ trại này đến trại khác của thời quân quản, nghe biết bao lời mắng nhiếc của cán bộ quản giáo, những tên lính vệ binh cầm AK lăm le chỉ bằng tuổi con cháu mình, mà mỗi khi mở miệng là muốn lên lớp dạy cho “*tay sai Mỹ Ngụy*” những bài học nặc mùi chủ nghĩa Mác Lê rập khuôn nhau, như đã nói sẵn trong một cuộn băng cát sét. Rồi đến khi bọn Pôn Pốt hoành hành ở vùng biên giới Tây Nam, các trường “*đại học tổng hợp*” được chuyển đi và giao cho chế độ “*quản lý trại giam*” của ngành công an. Và, thời điểm này, những tên nhẹ dạ “*trình diện mang theo một tháng tiền ăn*” như tôi mới biết là mình ở tù chẳng có bản án ngoài danh từ hết sức hoa mỹ “*cải tạo không giam giữ*”.

Tôi đã “*trình diện*” tại trường Phan Thanh Giản Cần Thơ trong hai tháng, chuyển lên trung tâm huấn luyện Chi Lăng Châu Đốc để học 10 bài, làm tổng kiểm thảo xong để nghe cán bộ chửi lên chửi xuống có lúc thấy mình như đã chìm xuống tận cùng của đáy xã hội; sau đó đưa đi lao động ở trại Mê Linh Long Xuyên; lại trở về Chi Lăng học tiếp 8 bài nữa, bởi họ nói học chưa tốt. Học thêm 8 bài vàng

ngọc rồi lại cho đi lao động ở Nông trường Thắng Lợi tại Ngã Ba Lò Gạch Tri Tôn. Khi bọn Pôn Pốt tấn công rồi đốt phá làng Ba Chúc một thời gian, tình hình quá phức tạp, chúng gom bị lại, chuyển hết lên trại Mỹ Phước Tây ở Vườn Đào Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Mấy năm sau thấy chế độ quân quản không đủ sức “tây nảo” tụi “ngụy quân ngoan cố” như chúng tôi, bọn chúng thấy qua cho ngành công an quản lý trại giam. Thế là chúng tôi chánh thức được “hành quân” (nói theo danh từ CS mỗi khi chúng cho tù cải tạo chuyển trại)... tới tận rừng sâu Xuyên Mộc, chính khu rừng này lúc chúng tôi được chuyển đến, trước đó đã chôn 81 người tù cải tạo, trong số có nhà văn Nguyễn Mạnh Côn mà thời chưa đi lính tôi đã biết tên trên báo chí .

Hồi còn ở Vườn Đào, ba lặn lội đi thăm tôi. Hôm đó ba đi với đứa em trai út của tôi, nhưng vì thằng em bỏ vùng Kinh Tế Mới trở về tánh hơi ngang tàng, khi cán bộ kiểm soát giấy tờ gạn hỏi nó điều gì đó (có tính cách điều tra để biết thêm về tôi), nó bảo “không biết”, cứ hai chữ “không biết” mà nói nên nó đành cho thằng nhỏ... đứng ngoài rào chơi suốt hai tiếng đồng hồ ba được vào gặp tôi. Năm đó ba tuổi cũng gần thất thập rồi, tóc muối nhiều hơn tiêu, con người gầy xuống trông thật đáng thương. Có lẽ ba đã thức quá nhiều đêm, trần trọc lo lắng đủ điều. Tôi nói, “*ba đừng lặn lội đi thăm con nữa. Một vài tháng, vợ con đi một lần gặp con cho biết tin tức gia đình cũng được rồi, ba đi làm chi*”. Ba cứ chớp mắt nhìn tôi như muốn nói điều gì đó mà nghe chừng trong cuống họng ông nghẹn lại. Chợt nhiên, hai hàng nước mắt lăn xuống đôi gò má nhăn nheo của ba, tôi sửng sò. “*Trong người ba thế nào? Ba có bị bệnh gì không?*”. “*Nhớ con quá, ba cố gắng đi để gặp mặt con. Thằng Tâm đi theo ba, nhưng họ không cho nó vô. Con cố giữ gìn sức khỏe, ba biết con có nghị lực nên ba luôn luôn tin con sẽ vượt qua được. Ba bị bệnh... nhưng chắc không sao đâu. Con đừng lo cho ba...*”. Bàn thăm nuôi xếp dài trong lán trại, dãy bên này là tù cải tạo, dãy đối diện là thân nhân, ngồi đối mặt nhau nói chuyện qua lại như vậy. Mấy anh cải tạo viên làm trật tự thì đi tới đi lui nhắc nhở sắp hết giờ thăm để chia tay, dành chỗ cho đợt khác vào. Các cán binh mang súng đi tới đi lui nghe ngóng để “răn đe” không cho “phát biểu linh tinh” và dặn “*nói chuyện phải lớn tiếng, không được xàm xì*”...

Khi đưa ba ra tới khu vực “cách ly” gần công trại, tôi nhìn ra hàng rào thấy thằng Út Tâm đứng ngoài đó, đưa tay vẫy vẫy, tôi ứa nước mắt rồi cũng vẫy tay lại với nó, vừa nhìn dáng ba đi liêu xiêu qua đoạn đường bị ngập của mùa nước nổi năm 1978 tại trại Vườn Đào Cai Lậy. Tôi mãi miết nhìn dáng ba và thằng em phía ngoài cổng rào thì tên vệ binh hét lớn: “*Anh kia, trở về đội, hết giờ thăm nuôi rồi! Muốn kỳ sau bị cúp không cho thăm hay sao?*”.

Chuyển ra trại Xuyên Mộc mỗi tháng cán bộ của trại thông báo cho viết thư về thăm nhà và báo ngày được thăm nuôi với dặn dò “*qui định*” số kí lô đồ được mang vào thăm. Nhiều tháng liên tiếp tôi đều dặn gia đình đừng đi thăm nuôi vì biết đường xá quá xa xôi, nhất là vào rừng sâu không tiện lợi chút nào. Qua năm thứ hai ở Xuyên Mộc, đột nhiên có một hôm cán bộ trực trại xuống gọi tôi đi gặp thân nhân không phải vào ngày trại tổ chức cho thăm. Tôi quá bất ngờ chẳng biết ai đến thăm mình, nhưng cũng phải đi theo tên cán bộ. Bước vào khu thăm nuôi, tôi sửng sốt thấy người anh cả của tôi trước làm ở đại đội tổng hành dinh Bộ chỉ huy 3 Tiếp Vận căn cứ Long Bình ngồi bên túi đồ, nhìn tôi mỉm cười. Cán bộ bảo tôi ngồi bên này, anh tôi ngồi bên kia rồi bảo anh mở túi đồ moi ra từng món để kiểm tại chỗ, xong đâu đó anh ta bảo bỏ trở vô, anh tôi đẩy gói đồ sang cho tôi khi cán bộ trực trại bước ra đứng ngoài cửa canh chừng. “*Anh chị có khỏe không? Mấy đứa nhỏ ra sao rồi? Ba Má sức khỏe năm nay có tốt không? Hai năm trước khi đi thăm em, trông ba yếu lắm...*”. Tôi cứ hỏi dồn dập, mà anh tôi thì cứ ngồi lắng nghe, muốn nói điều gì, nhưng đôi mắt cứ đảo qua lại sợ cán bộ đứng kia nghe. Anh nói lớn tiếng “*Chị với các cháu của chú cũng khỏe. Ba Má năm nay già rồi, nay đau mai ốm, nhưng chẳng sao đâu... Chú yên tâm đi, anh nghe lén đài BBC nói thành phần như chú chắc sẽ có nhiều thuận lợi...* (mấy câu đó anh lại nói rất nhỏ). *Ba bệnh sạn thận, bác sĩ ngoài bệnh viện khám và cho toa mua thuốc. Hiện ba đang uống thuốc... Ba nhớ chú muốn đi thăm nhưng đường xá xa xôi, má không cho đi. Ba bảo anh thay ba lên thăm chú để về kể lại cho ba nghe...*”. “*Mấy năm nay về quê có làm ăn được gì đâu mà có tiền đi thăm em như vậy? Cả anh nữa, mười mấy năm lính, con đùm con đẽ, quen sống ở Sài Gòn, đừng một cái về vườn có ai quen đâu, rồi làm sao sống?*”. “*Thời gian và thực tế tập cho tụi nó thói quen chớ biết sao chú*”. Ngừng một chút, anh tôi nói: “*Nhiều đêm trần trọc, ba đi*

đến quyết định là bảo anh kêu người bán bộ ngựa gỗ sau cùng để đi thăm chú, anh không chịu, nhưng Má bảo, ba con muốn con bán để lấy tiền mua chút ít đồ lên thăm thằng V., con cứ làm theo, đừng để ba con buồn. Ông đau nhiều lắm, ông sợ ngày nó về không gặp được mặt ông?”. Nghe anh tôi nói, mắt tôi bỗng hoa đi bởi những dòng nước mắt tự nhiên lăn dài xuống má. Vậy là một phần ba của món quà vô giá mà ba tôi nâng niu gìn giữ suốt cả đời mình, mãi tới thời điểm này ông mới chịu buông xuôi, chịu để mất đi... chỉ vì thằng con trai mà ông từng nói là “ba biết con có nghị lực” như tôi. Thời gian thăm nuôi không nhiều, anh em cũng chẳng dám nói gì bởi sợ cán bộ nghe ngóng. Anh tôi nói nhỏ: “Thằng Tâm vượt biên thất bại, đang bị giam ở trại Cải Cách Cà Mau”. “Ba biết không?”. “Không, gia đình đang giấu, vì bệnh ba trở nặng. Anh lo cho ba...”. “Sao không để dành tiền lo thuốc men cho ba, đi lên đây làm chi cho tốn kém như vậy?, ở nhà mình còn gì quý giá để bán có tiền nữa đâu?”. “Không đi ba đâu có chịu. Ba nói bán hết gia sản để lo cho chú ba cũng vui lòng...”. Câu nói mà tôi nghe đó, có lẽ là câu nói được lặp lại sau cùng của ba đối với thằng con tù tội như tôi. Bởi vì, nhìn dáng anh tôi lúi thủi bước ra đường mòn để đón xe rời khỏi trại Xuyên Mộc trong buổi xế chiều hôm đó, tôi có linh cảm là tôi đang mất tất cả những tình thương trân quý nhất của cuộc đời mình.

Mấy tháng sau, tự nhiên có một đêm ngủ chập chờn, tôi chợt thấy ba. Lúc thì ông đang lặn ngụp dưới lòng rạch sâu để trái đặng, đặt từng chiếc lợp bắt cá. Lúc thì tôi thấy ông đang cầm phăng phát cỏ trên cánh đồng ruộng nước lên tới ông quỳn để chuẩn bị cho mùa cấy sắp tới. Lúc thì tôi thấy ông đang cầm gàu tát nước trên mấy bờ vườn trồng quýt đang hồi ra bông trắng xoá. Lúc thì tôi thấy ba đang đi liêu xiêu từ chỗ thăm nuôi băng qua đoạn đường ngập nước tại trại giam Vườn Đào Cai Lậy mà ngoài kia hàng rào kẽm gai, thằng Út Tâm em tôi đang đứng vẫy tay... Lúc thì tôi thấy ba đang lặn mò bộ ván ngựa gỗ dưới chiếc mương vườn mà cách đó mấy năm ông đã giấu bên dưới... với vẻ mặt buồn bã tuyệt vọng. Lúc thì tôi thấy ông hai tay cầm cái đĩa kiểu con cá thật to, với vẻ mặt tươi cười mừng rỡ... rồi đột nhiên ông buông tay rớt xuống đất bị bẻ nát, mặt ông tái đi, biến dần, biến dần trong màn sương trắng... Tôi giựt mình khi anh bạn tù kế bên thò tay qua lay nhẹ tôi: “Làm gì mà ú ớ vậy?”. Tôi mở mắt định thần một chút rồi thở dài. “Năm chiêm bao, thấy ba tôi, nhớ ông già quá chừng...”.

Trong một lá thư gửi cho tôi báo tin tức gia đình, bà con và cuộc sống ở quê nhà để tôi an tâm, vợ tôi có viết mấy chữ mà tôi cứ suy nghĩ mãi: “Ba bây giờ ít nói. Tụi con cháu làm gì, la lối ồn ào ba cũng ngồi nhìn mà lặng thinh, ba thương tụi con cháu lắm. Ba thương anh nhiều nhất, ngồi đâu, nói chuyện với ai ba cũng nhắc anh, ba nói nhớ anh. Ba cứ kể, hồi trước anh có ý định hết chiến tranh anh sẽ học cái nghề đặng cá của ba, ba bảo, đừng học nghề này lạnh lẽo lắm, lo học chữ đi, làm thầy làm thợ với người ta, theo nghề hạ bạc này làm gì. Ba nói...”. Tôi suy nghĩ hoài, vợ tôi viết “ba bây giờ ít nói” rồi tự dừng lại “ba cứ kể, ba nói, ba nói...” liên tục, phải chăng có điều gì xảy ra? Tháng đó viết thư gửi về, tôi chỉ hỏi thăm bệnh tình của ba tôi ra sao? Nhưng... câu hỏi về ba cũng không được vợ tôi hay bất cứ người thân nào trả lời.

Ngày tôi ra trại về tới quê nhà thì đúng là ngày cả gia đình anh em chúng tôi gom lại để cúng tuần 49 ngày cho ba. Nghe kể, ba tôi mất, chôn đúng một tuần thì thằng Út Tâm được thả ra từ trại giam Cải Cách Nước. Nó lập tức cùng hai anh và đưa em gái út của tôi lo xây cho ba tôi một cái mã xi măng đàng hoàng trước khi nó tiếp tục làm một chuyến vượt biên khác. Tôi về để quần vảnh khăn tang và lay ba tôi trong ngày cúng tuần đó, mới ngẫm nghĩ câu văn đơn giản của vợ tôi viết mà lúc còn trong trại tù tôi ngờ ngợ không nghĩ ra được: “Ba bây giờ ít nói. Tụi con cháu làm gì, la lối ồn ào, ba cũng ngồi nhìn mà lặng thinh...”. Và, tôi đột nhiên cúi mọp lay ba tôi rất nhiều lay, khi nhớ đến bộ ngựa gỗ mà ba bảo anh tôi bán để lấy tiền đi thăm nuôi tôi, một thằng con ở tù mà những ngày cuối đời ông muốn đi thăm tận mặt cũng không thể nào đi được, bởi, ngày anh xách đồ đi thăm tôi, căn bệnh sạn thận và tiểu đường đã hoành hành ông đến cực độ, ông chỉ nằm một chỗ chờ đợi anh tôi đi Xuyên Mộc trở về, kể cho ông nghe những gì thấy được về tôi. “Ba ơi, xin ba tha lỗi cho con. Cả đời, con không bao giờ quên được tấm lòng của ba dành cho con”. Tôi đã quỳ lay ba tôi với những câu chữ trên suốt mấy thời kinh mà thầy cúng đã đọc trong ngày cúng tuần thất thứ 7 sau ngày ba tôi vĩnh viễn từ giã cõi đời năm 71 tuổi.

Nỗi ân hận và dày vò trong lòng tôi khi được nghe kể chuyện về ba những ngày sau cuối. Trước khi biết mình không còn sống bao lâu, ba đã lục lạo tất cả hồ sơ giấy tờ, lấy ra những tấm ảnh mà ông đã chụp trước đây đốt hết. Má tôi hay được giựt lại nhưng không kịp. Ba nói, *“chết là hết, để lại hình ảnh làm gì cho con cháu nhìn thấy mà nhớ thương, tội nghiệp tội nó. Nhất là thằng V. ở tù trở về chẳng gặp mặt tôi mà thấy tấm hình thờ chắc nó đau xót lắm, nằm sâu dưới ba tác đất tôi cũng chẳng yên lòng!”*.

Ba thật đơn giản, nghĩ sao là làm vậy. Ông đâu nghĩ rằng, không phải hình ảnh của ông từng cất giữ đem đốt hết thì con cháu sẽ nhanh chóng quên đi. Cũng có thể suy nghĩ này đúng một góc độ nào đó, nhưng *“ba của con ơi, không có hình ảnh nào của ba bị xóa mờ trong chính trái tim con đâu - ít nhất cũng là trong thời gian con còn điếm phúc được hít thở không khí trên cõi dương trần này”*. Hôm nay khắp đất nước Hoa Kỳ có ngày kỷ niệm *“father's day”*, các báo và chương trình phát thanh đều nhắc đi nhắc lại ý nghĩa *“ngày của cha”*, nói về công ơn người cha và họ có tìm một chữ nào đó để dịch cho đúng nghĩa: **hiền phụ, nghiêm phụ** như ngày *“mother's day”* là **ngày hiền mẫu**...v.v...; nhưng dù dịch bất cứ chữ nào thì hình ảnh người cha vẫn vẫn ngời sáng trong câu ca dao bất hủ *“công cha như núi Thái Sơn”* mà người Việt Nam nào thời thơ ấu đều có học. Chỉ còn hai tháng nữa là đến ngày cúng giỗ ba, con viết mấy dòng này để kính dâng vong linh ba trong cõi vĩnh hằng. Con nhớ thủa ba còn sinh tiền và con còn đi học, vào mỗi khuya giao thừa hằng năm, ba đều hỏi *“con đã viết khai bút đầu năm chưa?”*. Giao thừa năm Mậu Thân 1968 con đã đưa ba xem bài thơ **VỀ SÔNG ĂN CÁ** mới viết xong.

*“Tết này ba có về quê cũ,
Thăm mả mộ xưa viếng xóm làng.
Hưu chiến đôi ngày ôi ngắn ngủi.
Làm sao níu lại được thời gian?”*

*Vị dẫu về rẫy ăn còng sứa.
Ăn cá về sông thương tuổi thơ.
Ba hơi điều tàn vương xóm nội.
Tìm đâu đường nét đẹp bây giờ?”*

Con thấy ba đọc xong bài thơ dài 32 câu, mà tám câu cuối con viết như vậy, nét mặt ba buồn buồn rồi buồn chuối thờ dài”.

Houston, 15 tháng 6 năm 2003 - Father's day

LÊ CẬN THƠ

(Trong tập **TRỜI NGANG PHẬN MÌNH**, Bản Thảo Lưu Lại - xuất bản 2009 & 2017 do Thư Án Quán in)

